TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2024/HS-ST
Ngày: 28/5/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2024/TLST-HS, ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. ĐẶNG CHÍ M, sinh ngày 02/5/2002 tại tỉnh Bến Tre.

Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Văn Mười A, sinh năm 1977 và bà Trương Thị M, sinh năm 1977. Bị cáo có 01 người em sinh năm 2006 và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 30/01/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. PHẠM NHẬT K, sinh ngày 09/12/1992 tại tỉnh Bến Tre.

Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1966. Bị cáo là con một trong gia đình. Bị cáo có 02 người vợ, vợ thứ 1 Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1995 (đã ly hôn). Vợ thứ 2, Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1995. Bị cáo có 02 người con ruột: 01 người con sinh năm 2012 (con chung với người vợ đầu) và 01 người con sinh năm 2016 (con chung với người vợ kế).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo chấp hành án phạt tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HSST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre từ ngày 23/9/2022 tại Trại giam C. Đến ngày 26/02/2024, bị trích xuất về tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN THỊ YẾN N, sinh ngày 12/10/1995.

Giới tính: Nữ;

ĐKTT: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị T1, sinh năm 1965. Bị cáo có 02 người anh, em ruột, lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 1998. Họ tên chồng: Phạm Nhật K, sinh năm 1992 (cùng là bị cáo trong vụ án). Bị cáo có 01 người con ruột sinh năm 2016 (con chung với bị cáo K).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo chấp hành án phạt tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HSST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre từ ngày 23/9/2022 tại Trại giam L1. Đến ngày 26/02/2024, bị trích xuất về tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 24/8/2022, Đặng Chí M1 đi đến nhà của Phạm Nhật K, thuộc Ấp A, xã B, huyện B uống rượu. Tại đây, M1 nhờ K mua dùm 200.000 đồng ma túy để cùng sử dụng. K đồng ý và nhận tiền. Sau đó, K nói lại với Nguyễn Thị Yến N (là vợ của K) việc M1 nhờ mua dùm 200.000 đồng ma túy để sử dụng chung. K và N hùn thêm 1.100.000 đồng, tổng cộng 1.300.000 đồng để mua ma túy. N lấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 của mình gọi cho H cư trú ở huyện B, tỉnh Bến Tre (không rõ lai lịch nhân thân) hỏi mua 1.300.000 đồng ma túy và hẹn địa điểm giao nhận ma túy trên Đường xã B, thuộc Ấp A, xã T, huyện B. N kêu K điều khiển xe mô tô chạy một mình đến nhận 01 gói ma túy và trả tiền 1.300.000 đồng, rồi chạy xe trở về nhà.

Khi về đến nơi, K chiết gói ma túy ra 01 phần tương đương số tiền 200.000 đồng mà M1 nhờ mua, rồi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của mình ra, đưa cho M1 để lấy ma túy ra, bỏ vào trong nỏ cùng nhau sử dụng. M1, K và N cùng ngồi ở căn chòi lá phía sau nhà cùng nhau sử dụng hết số ma túy này. Phần ma túy còn lại, K vẫn giữ nguyên trong gói, sau đó đưa lại cho N cất giữ để sử dụng. N nhận gói ma túy này và ngồi ở bàn gỗ bên trong căn chòi lá để chiết ra thành 03 gói ma túy nhỏ, với mục đích để dành sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với Công an xã B phát hiện, bắt quả tang.

Bản Kết luận giám định số 401/2022/KL-KTHS ngày 08/9/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận 03 gói ma túy thu giữ là chất ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 23,4526 gam.

Qua kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, xác định M1, K và N đều dương tính với chất ma túy.

Vật chứng hiện đang bị tạm giữ gồm có: 01 cân tiểu ly màu trắng đã qua sử dụng; 01 cái kéo bằng kim loại màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (chai nhựa, trên nắp chai có cắm 01 ống hút nhựa màu tím, 01 đoạn thủy tinh hình phễu); 01 bật lửa màu xanh lá cây; 01 bật lửa màu xanh dương bị hỏng; 06 túi nylon màu trắng rỗng và 01 ống nhựa màu vàng sọc trắng.

Qua quá trình điều tra, các bị cáo M1, K và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 21/CT-VKSBĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K và Nguyễn Thị Yến N về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về hình phạt chính:

+ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đặng Chí M1 mức án từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Nhật K mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến N mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

- Đề nghị tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án để buộc bị cáo Phạm Nhật K và Nguyễn Thị Yến N phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng cho các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: Một cân tiểu ly màu trắng đã qua sử dụng. Một cái kéo bằng kim loại màu trắng. Một bộ dụng cụ sử dụng ma túy (chai nhựa, trên nắp chai có cắm 01 ống hút nhựa màu tím, 01 đoạn thủy tinh hình phễu). Một bật lửa màu xanh lá cây. Một bật lửa màu xanh dương bị hỏng. Sáu túi nylon màu trắng rỗng. Một ống nhựa màu vàng sọc trắng.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Chí M1 tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Nhật K tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Yến N tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo Đặng Chí M1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về có điều kiện chăm lo cha mẹ.

Bị cáo Phạm Nhật K nói lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về có điều kiện chăm lo gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thị Yến N nói lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về có điều kiện chăm lo cha mẹ và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên Tòa, các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 24/8/2022, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 24/8/2022, tại căn chòi lá, thuộc quyền quản lý của bị cáo Phạm Nhật K và Nguyễn Thị Yến N tại Ấp A, xã B, huyện B, Đặng Chí M1, Phạm Nhật K và Nguyễn Thị Yến N đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy Methamphetamine thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện, bắt quả tang. Cụ thể:

Bị cáo Đặng Chí M1 là người khởi xướng để cung cấp ma túy về sử dụng. Bị cáo M1 có hành vi đưa số tiền 200.000 đồng nhờ bị cáo K mua ma túy. Sau

khi mua về, K đưa ma túy cho M1, M1 lấy ra cùng sử dụng với K và N, do đó, đây là hành vi cung cấp ma túy.

Bị cáo Phạm Nhật K có hành vi liên lạc, cung cấp ma túy, đi nhận ma túy về phân chia, cung cấp địa điểm sử dụng ma túy thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình, cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy để các bị cáo cùng sử dụng chung.

Bị cáo N có hành vi là sau khi nghe K nói M1 đưa tiền nhờ mua ma tuý và K kêu N liên lạc mua ma tuý, N đã liên lạc với H ở huyện B để mua ma tuý. Sau đó, K lấy ma tuý về phân chia ra đưa cho M1 thì N nhìn thấy và cùng sử dụng ma tuý với M1, K. N liên lạc để mua ma tuý, hành vi của N là giúp sức để cung cấp ma tuý về sử dụng, không có N liên lạc thì không có ma tuý để sử dụng.

Vì vậy, các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung "Đối với 02 người trở lên", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, bản cáo trạng số: 21/CT-VKSBĐ ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước ta về các chất ma túy, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện B, nhất là trong tình hình hiện nay, người sử dụng trái phép chất ma túy ngày càng tăng, lứa tuổi sử dụng ma túy ngày càng trẻ hóa, các loại ma túy mới xuất hiện trên thị trường càng đa dạng, tội phạm liên quan ma túy ngày càng nhiều. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy và việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mong muốn thỏa mãn nhu cầu bản thân, sử dụng chất cấm nên các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý và hậu quả xảy ra đúng như mong muốn các bị cáo. Do đó, cần thiết phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy từ 02 người trở lên. Các bị cáo thực hiện hành vi

mang tính chất đồng phạm nhưng không có sự cấu kết, bàn bạc chặt chẽ mà chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Cụ thể: Bị cáo M1 là người khởi xướng, cung cấp ma túy; bị cáo K trực tiếp mua ma túy, mang ma túy về để sử dụng chung, hùn tiền và cung cấp dụng cụ, địa điểm để sử dụng ma túy; bị cáo N là người liên lạc để mua ma túy, hùn tiền và cùng sử dụng ma túy với các bị cáo khác.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N không có tiền án, tiền sự nên bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo Đặng Chí M1 tuy không có tiền án nhưng đã bị Công an xã T xử phạt số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐXP-VPHC ngày 05/01/2024 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay chưa nộp phạt. Do đó, bị cáo M1 có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét vai trò các bị cáo thì bị cáo M1 là người khởi xướng, cung cấp ma túy trong vụ án này, không có bị cáo M1 khởi xướng, cung cấp ma túy thì các bị cáo không tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, hình phạt của bị cáo M1 phải cao hơn các bị cáo khác, điều này cũng đảm bảo tính phân hóa vai trò các bị cáo trong vụ án có tính chất đồng phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".* Xét thấy rằng, các bị cáo có nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp, hình phạt chính là hình phạt tù cũng đã đủ sức răn đe đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 cân tiểu ly màu trắng đã qua sử dụng; 01 cái kéo bằng kim loại màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (chai nhựa, trên nắp chai có cắm 01 ống hút nhựa màu tím, 01 đoạn thủy tinh hình phễu); 01 bật lửa màu xanh lá cây; 01 bật lửa màu xanh dương bị hỏng; 06 túi nylon màu trắng rỗng; 01 ống nhựa màu vàng sọc trắng. Đây là các công cụ phạm tội phục vụ cho việc tổ chức sử dụng ma túy của các bị cáo, vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với vụ án "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và các vấn đề có liên quan khác trong vụ án này đã được giải quyết xong bằng Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HSST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã có hiệu lực pháp luật:

+ Xử phạt Phạm Nhật K 06 năm tù và Nguyễn Thị Yến N 05 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

+ Đặng Chí M1 không đồng phạm với K và N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với M1.

+ Người thanh niên tên H bán cho K và N 01 gói ma túy với giá tiền 1.300.000 đồng, nhưng không xác định được lai lịch nhân thân, địa chỉ cụ thể của người này, nên chưa có cơ sở để xử lý, khi nào điều tra làm rõ được, sẽ tiến hành xử lý sau.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 và tịch thu, tiêu hủy 03 gói ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 22,6039 còn lại sau giám định.

- Ngoài ra, các bị cáo M1, K và N là người sử dụng ma túy, nhưng không phải là người đang cai nghiện, nên không xử lý các bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[12] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".*

1.1 Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Chí M1 **07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 01 năm 2024.

1.2 Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Nhật K **07 (Bảy) năm tù.**

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt **06 (Sáu) năm tù** của Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HSST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Phạm Nhật K chấp hành hình phạt chung của hai Bản án với thời hạn **13 (Mười ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 9 năm 2022.

1.3 Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến N **07 (Bảy) năm tù.**

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt **05 (Năm) năm tù** của Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HSST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến N chấp hành hình phạt chung của hai Bản án với thời hạn **12 (Mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 9 năm 2022.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 cân tiểu ly màu trắng đã qua sử dụng; 01 cái kéo bằng kim loại màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (chai nhựa, trên nắp chai có cắm 01 ống hút nhựa màu tím, 01 đoạn thủy tinh hình phễu); 01 bật lửa màu xanh lá cây; 01 bật lửa màu xanh dương bị hỏng; 06 túi nylon màu trắng rỗng; 01 ống nhựa màu vàng sọc trắng.

(*Theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/4/2024 giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại*).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đặng Chí M1, Phạm Nhật K, Nguyễn Thị Yến N phải chịu án phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (3b);
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Đại (3b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (3b);
- Các bị cáo (3b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Đại (3b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ